

Số: 54⁵ /QĐ-UBND

Tp. Kon Tum, ngày 03 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất
các vị trí đất nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định về việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 151/TT-TNMT ngày 31/01/2018 về việc xin phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất các vị trí đất nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã



được UBND thành phố thống nhất chủ trương bán đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, lẻ trên địa bàn thành phố tại Văn bản số 423/UBND-TH ngày 06/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất các vị trí đất nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, với các nội dung cụ thể sau:

1. Vị trí, diện tích và số thửa đất bán đấu giá:

a. Vị trí các thửa đất bán đấu giá: Thuộc các xã, phường: Quyết Thắng, Thắng Lợi, Duy Tân, Quang Trung, Lê Lợi, Ngô mây, Trường Chinh, Trần Hưng Đạo, Ia Chim và Đăk Năng thành phố Kon Tum.

b. Tổng diện tích và số thửa đất bán đấu giá: 23 thửa đất nhỏ, lẻ (*được chia thành 142 lô đất với diện tích là 42.699m²*).

2. Mục đích và thời hạn sử dụng đất đấu giá:

a. Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị đối với các thửa đất trên địa bàn các phường và đất ở nông thôn đối với các thửa đất trên địa bàn các xã.

b. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

c. Hình giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Điều kiện xây dựng nhà ở, mật độ xây dựng, khoảng lùi xây dựng: Theo quy định của Luật Xây dựng.

4. Dự kiến thời gian tổ chức bán đấu giá các thửa đất: Trong năm 2018 (*sau khi được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất*).

5. Hình thức bán đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

6. Giá khởi điểm bán đấu giá quyền sử dụng đất: Thực hiện theo Quyết định phê duyệt giá khởi điểm của UBND tỉnh Kon Tum.

7. Hình thức và thời hạn nộp tiền sử dụng đất:

- Hình thức nộp tiền sử dụng đất 01 (một) lần.

- Thời hạn nộp tiền sử dụng đất: Theo Phương án đấu giá quyền sử dụng đất các vị trí đất nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tổ chức lựa chọn và thuê đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất theo Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được phê duyệt và thực hiện đúng trình tự theo quy định hiện hành.



Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Chi Cục Trưởng Chi cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, phường nơi có đất bán đấu giá quyền sử dụng đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lãnh đạo UBND TP;
- Chánh VP, PCVP NC;
- Trang TTĐT TP;
- Lưu: VT, UB.

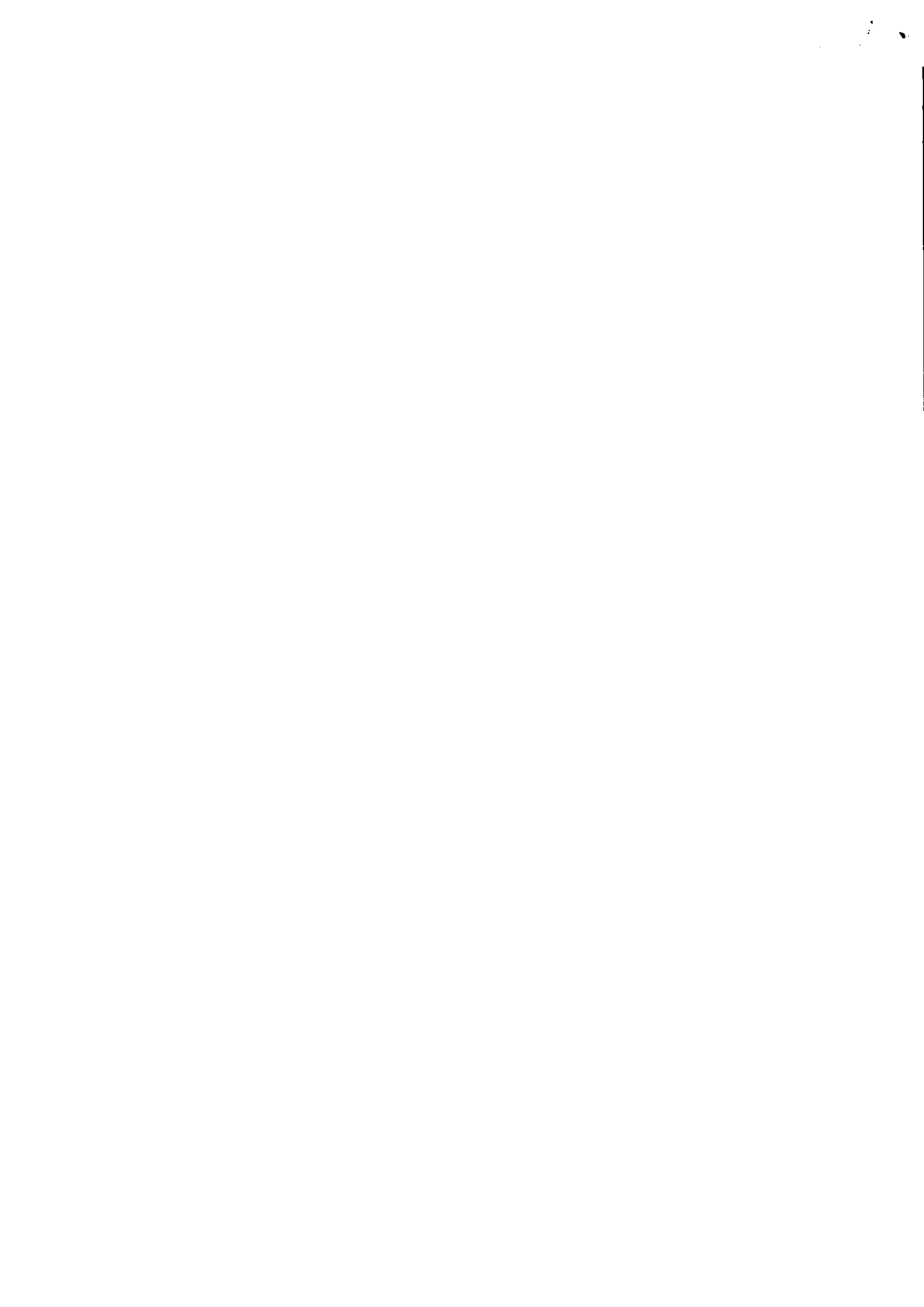
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN ĐIỀU



PHỤ LỤC CHI TIẾT

**Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất các vị trí đất nhỏ lẻ
trên địa bàn thành phố Kon Tum theo phương án**
(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 3 năm 2018
của UBND thành phố Kon Tum)

STT	Biên bản thẩm tra Xác định diện tích, ranh giới, mốc giới thửa đất			Giá trị lô đất theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND, ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum		Đơn giá đất theo khảo sát thực tế (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh theo Quyết định 59/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Kon Tum (lần)	Hệ số điều chỉnh và giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất	
	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)			Hệ số điều chỉnh tăng giá đất (lần)	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (đồng/lô)
0	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)	(7)	(8)=(6)/(4)	(9)=(3)x(4)x(8)
A	Đất ở đô thị			6.024,10		6.899.516.000			9.394.812.000
I	Phường Quyết Thắng								
1	Đường Hoàng Văn Thụ (đoạn Nguyễn Huệ - Ngô Quyền)								
	219	19	44	8.000.000	352.000.000	12.538.000	1,21	1,57	552.640.000
II	Phường Thắng Lợi								
1	Đường Yết Kiêu								
	191	72	59	1.200.000	70.800.000	1.621.000	1,16	1,35	95.580.000
2	Đường Phan Chu Trinh (Lý Tự Trọng - hết)								
	16-1	69	89,2	3.500.000	312.200.000	4.200.000	1,20	1,20	374.640.000
3	Đường Ba Đình								
	626-1	40	24	3.100.000	74.400.000	4.686.000	1,50	1,51	112.344.000
	625-1	40	6,2	3.100.000	19.220.000	4.686.000	1,50	1,51	29.022.000
	624-1	40	6,2	3.100.000	19.220.000	4.686.000	1,50	1,51	29.022.000
4	Đường Đông Đa (Lê Hồng Phong - Nhà Công vụ Sư Đoàn 10)								
	621-1	40	18,8	2.500.000	47.000.000	3.460.000	1,36	1,38	64.860.000
	634-1	40	12,6	2.500.000	31.500.000	3.460.000	1,36	1,38	43.470.000
III	Phường Duy Tân								
1	Đường Trần Nguyên Hân								
	229	47	50	1.200.000	60.000.000	2.405.000	1,10	2,00	120.000.000
2	Đường Dã Tượng								
	302	24	49,3	1.200.000	59.160.000	2.302.000	1,40	1,92	113.587.000
IV	Phường Quang Trung								
1	Đường Nguyễn Văn Cừ (Huỳnh Thúc Kháng-Nguyễn Sinh Sắt)								
	128	80	81,1	1.000.000	81.100.000	2.033.000	1,10	2,03	164.633.000
2	Hẻm 40 Phạm Hồng Thái								



	69-1	42	43,6	700.000	30.520.000	1.331.000	1,00	1,90	57.988.000
V	Phường Lê Lợi								
1	Đường Đặng Tiên Đông (Trụ sở UBND P.Lê Lợi - hết ranh giới Phường Lê Lợi)								
	29	11	350	800.000	280.000.000	1.203.000	1,10	1,50	420.000.000
	112	7	150	800.000	120.000.000	1.203.000	1,10	1,50	180.000.000
2	Đường Phạm Văn Đông (Ngã ba Đặng Tiên Đông - Nguyễn Văn Linh - hết công trạm điện 500KV)								
	02'-1	34	607	2.500.000	1.517.500.000	3.474.000	1,36	1,39	2.109.325.000
	42-1	34	661	2.500.000	1.652.500.000	3.405.000	1,36	1,36	2.247.400.000
3	Đường Trần Đại Nghĩa								
	208	9	794,3	1.000.000	794.300.000	1.304.000	1,30	1,30	1.032.590.000
VI	Phường Ngô Mây								
1	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Phan Kế Bính - Hội Trường Tô 1)								
	102	53	284	1.200.000	340.800.000	1.392.000	1,16	1,16	395.328.000
VII	Phường Trường Chinh								
1	Đường Nơ Trang Long								
	99-1	38	77,2	2.000.000	154.400.000	2.407.000	1,20	1,20	185.280.000
VIII	Phường Trần Hưng Đạo								
-	Đường A Khanh								-
1	1 (Lô góc)	26	267,4	400.000	106.960.000	503.000	1,20	1,26	134.770.000
2	4	26	152,4	400.000	60.960.000	484.000	1,20	1,21	73.762.000
3	5	26	150	400.000	60.000.000	484.000	1,20	1,21	72.600.000
-	Đường A Khanh								
+	Hèm 19								
1	2	26	290,3	320.000	92.896.000	385.000	1,00	1,20	111.475.000
2	7	26	240,3	320.000	76.896.000	385.000	1,00	1,20	92.275.000
3	8	26	205,9	320.000	65.888.000	385.000	1,00	1,20	79.066.000
4	9	26	207	320.000	66.240.000	385.000	1,00	1,20	79.488.000
5	10	26	208	320.000	66.560.000	385.000	1,00	1,20	79.872.000
6	11	26	209,5	320.000	67.040.000	385.000	1,00	1,20	80.448.000
7	12	26	210,7	320.000	67.424.000	385.000	1,00	1,20	80.909.000
8	13	26	212	320.000	67.840.000	385.000	1,00	1,20	81.408.000
9	14	26	263,1	320.000	84.192.000	385.000	1,00	1,20	101.030.000
B	Đất ở tại nông thôn		36.675,00		2.600.725.500				4.578.824.000
I	Xã Ia Chim		1.606,30		321.260.000				718.997.000
-	Thôn Nghĩa An								
1	2	1	160,6	200.000	32.120.000	446.000	1,00	2,23	71.628.000
2	3	1	150,2	200.000	30.040.000	446.000	1,00	2,23	66.989.000
3	4	1	152,1	200.000	30.420.000	446.000	1,00	2,23	67.837.000
4	1	1	137,9	200.000	27.580.000	446.000	1,00	2,23	61.503.000

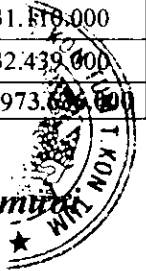
5	5	1	102,2	200.000	20.440.000	446.000	1,00	2,23	45.581.000
6	6	1	103,5	200.000	20.700.000	446.000	1,00	2,23	46.161.000
7	7	1	104,4	200.000	20.880.000	446.000	1,00	2,23	46.562.000
8	8	1	105,4	200.000	21.080.000	446.000	1,00	2,23	47.008.000
9	12	1	106,7	200.000	21.340.000	446.000	1,00	2,23	47.588.000
10	11	1	107,8	200.000	21.560.000	446.000	1,00	2,23	48.079.000
11	13	1	111	200.000	22.200.000	446.000	1,00	2,23	49.506.000
12	15	1	120,7	200.000	24.140.000	446.000	1,00	2,23	53.832.000
13	14(lô góc)	1	143,8	200.000	28.760.000	464.000	1,00	2,32	66.723.000
II	Xã Đắk Năn		35.068,7		2.279.465.500				3.859.827.000
-	Thôn Gia Hội								
+	Các tuyến còn lại								
a	Đường quy hoạch rộng 6m								
1	2	1	480,7	65.000	31.245.500	110.000	1,00	1,69	52.805.000
2	19	1	414,6	65.000	26.949.000	110.000	1,00	1,69	45.544.000
3	18	1	409,5	65.000	26.617.500	110.000	1,00	1,69	44.984.000
4	20	1	405,2	65.000	26.338.000	110.000	1,00	1,69	44.511.000
5	21	1	400,5	65.000	26.032.500	110.000	1,00	1,69	43.995.000
6	39	1	395,6	65.000	25.714.000	110.000	1,00	1,69	43.457.000
7	38	1	390,6	65.000	25.389.000	110.000	1,00	1,69	42.907.000
8	40	1	386,2	65.000	25.103.000	110.000	1,00	1,69	42.424.000
9	41	1	381,5	65.000	24.797.500	110.000	1,00	1,69	41.908.000
10	59	1	376,8	65.000	24.492.000	110.000	1,00	1,69	41.391.000
11	58	1	371,7	65.000	24.160.500	110.000	1,00	1,69	40.831.000
12	60	1	367,3	65.000	23.874.500	110.000	1,00	1,69	40.348.000
13	61	1	362,5	65.000	23.562.500	110.000	1,00	1,69	39.821.000
14	79	1	357,5	65.000	23.237.500	110.000	1,00	1,69	39.271.000
15	78	1	353,1	65.000	22.951.500	110.000	1,00	1,69	38.788.000
16	80	1	348,4	65.000	22.646.000	110.000	1,00	1,69	38.272.000
17	81	1	343,7	65.000	22.340.500	110.000	1,00	1,69	37.755.000
18	91	1	338,6	65.000	22.009.000	110.000	1,00	1,69	37.195.000
19	90	1	334	65.000	21.710.000	110.000	1,00	1,69	36.690.000
20	92	1	329,5	65.000	21.417.500	110.000	1,00	1,69	36.196.000
21	93	1	324,8	65.000	21.112.000	110.000	1,00	1,69	35.679.000
22	98	1	319,6	65.000	20.774.000	110.000	1,00	1,69	35.108.000
23	97 (lô góc)	1	367,5	65.000	23.887.500	114.400	1,00	1,76	42.042.000
b	Đường hiện trạng rộng 7m								
1	4	1	290,9	65.000	18.908.500	110.000	1,00	1,69	31.955.000
2	3	1	341,2	65.000	22.178.000	110.000	1,00	1,69	37.481.000
3	17	1	364	65.000	23.660.000	110.000	1,00	1,69	39.985.000
4	16	1	382,9	65.000	24.888.500	110.000	1,00	1,69	42.062.000
5	22	1	393,4	65.000	25.571.000	110.000	1,00	1,69	43.215.000



6	23	1	393,9	65.000	25.603.500	110.000	1,00	1,69	43.270.000
7	37	1	394,4	65.000	25.636.000	110.000	1,00	1,69	43.325.000
8	36	1	394,5	65.000	25.642.500	110.000	1,00	1,69	43.336.000
9	42	1	395,4	65.000	25.701.000	110.000	1,00	1,69	43.435.000
10	43	1	395,9	65.000	25.733.500	110.000	1,00	1,69	43.490.000
11	57	1	396,4	65.000	25.766.000	110.000	1,00	1,69	43.545.000
12	56	1	396,6	65.000	25.779.000	110.000	1,00	1,69	43.567.000
13	62	1	397,2	65.000	25.818.000	110.000	1,00	1,69	43.632.000
14	63	1	328,8	65.000	21.372.000	110.000	1,00	1,69	36.119.000
15	77	1	398,3	65.000	25.889.500	110.000	1,00	1,69	43.753.000
16	76	1	398,4	65.000	25.896.000	110.000	1,00	1,69	43.764.000
17	82	1	399,3	65.000	25.954.500	110.000	1,00	1,69	43.863.000
18	83	1	359,9	65.000	23.393.500	110.000	1,00	1,69	39.535.000
19	84	1	359,6	65.000	23.374.000	110.000	1,00	1,69	39.502.000
20	89	1	400,9	65.000	26.058.500	110.000	1,00	1,69	44.039.000
21	88	1	401,2	65.000	26.078.000	110.000	1,00	1,69	44.072.000
22	94	1	401,3	65.000	26.084.500	110.000	1,00	1,69	44.083.000
23	95	1	401,7	65.000	26.110.500	110.000	1,00	1,69	44.127.000
24	96 (lô góc)	1	403,8	65.000	26.247.000	114.400	1,00	1,76	46.195.000
25	6	1	381,2	65.000	24.778.000	110.000	1,00	1,69	41.875.000
26	5	1	360,3	65.000	23.419.500	110.000	1,00	1,69	39.579.000
27	15	1	347,2	65.000	22.568.000	110.000	1,00	1,69	38.140.000
28	14	1	364,3	65.000	23.679.500	110.000	1,00	1,69	40.018.000
29	24	1	367,2	65.000	23.868.000	110.000	1,00	1,69	40.337.000
30	25	1	373	65.000	24.245.000	110.000	1,00	1,69	40.974.000
31	35	1	378,1	65.000	24.576.500	110.000	1,00	1,69	41.534.000
32	34	1	383,3	65.000	24.914.500	110.000	1,00	1,69	42.106.000
33	44	1	388,8	65.000	25.272.000	110.000	1,00	1,69	42.710.000
34	45	1	394	65.000	25.610.000	110.000	1,00	1,69	43.281.000
35	55	1	397,1	65.000	25.811.500	110.000	1,00	1,69	43.621.000
36	54	1	398	65.000	25.870.000	110.000	1,00	1,69	43.720.000
37	64	1	397,7	65.000	25.850.500	110.000	1,00	1,69	43.687.000
38	65	1	398,8	65.000	25.922.000	110.000	1,00	1,69	43.808.000
39	75	1	399	65.000	25.935.000	110.000	1,00	1,69	43.830.000
40	74	1	399,9	65.000	25.993.500	110.000	1,00	1,69	43.929.000
41	85 (lô góc)	1	479,6	65.000	31.174.000	114.400	1,00	1,76	54.866.000
c	Đường quy hoạch rộng 6m								
1	7	1	412,2	65.000	26.793.000	110.000	1,00	1,69	45.280.000
2	8	1	320,2	65.000	20.813.000	110.000	1,00	1,69	35.174.000
3	13	1	319,9	65.000	20.793.500	110.000	1,00	1,69	35.141.000
4	12	1	320,2	65.000	20.813.000	110.000	1,00	1,69	35.174.000
5	26	1	320,2	65.000	20.813.000	110.000	1,00	1,69	35.174.000

6	27	1	319,9	65.000	20.793.500	110.000	1,00	1,69	35.141.000
7	33	1	320,2	65.000	20.813.000	110.000	1,00	1,69	35.174.000
8	32	1	320,2	65.000	20.813.000	110.000	1,00	1,69	35.174.000
9	46	1	320,2	65.000	20.813.000	110.000	1,00	1,69	35.174.000
10	47	1	320,2	65.000	20.813.000	110.000	1,00	1,69	35.174.000
11	53	1	320,8	65.000	20.852.000	110.000	1,00	1,69	35.240.000
12	52	1	325,7	65.000	21.170.500	110.000	1,00	1,69	35.778.000
13	66	1	330,5	65.000	21.482.500	110.000	1,00	1,69	36.305.000
14	67	1	334,9	65.000	21.768.500	110.000	1,00	1,69	36.789.000
15	73	1	340	65.000	22.100.000	110.000	1,00	1,69	37.349.000
16	72	1	344,8	65.000	22.412.000	110.000	1,00	1,69	37.876.000
17	86 (lô góc)	1	403,8	65.000	26.247.000	114.400	1,00	1,76	46.195.000
18	1	1	367,2	65.000	23.868.000	110.000	1,00	1,69	40.337.000
19	9	1	226,1	65.000	14.696.500	110.000	1,00	1,69	24.837.000
20	11	1	241,9	65.000	15.723.500	110.000	1,00	1,69	26.573.000
21	10	1	257,5	65.000	16.737.500	110.000	1,00	1,69	28.286.000
22	28	1	273,7	65.000	17.790.500	110.000	1,00	1,69	30.066.000
23	29	1	289,5	65.000	18.817.500	110.000	1,00	1,69	31.802.000
24	31	1	305,4	65.000	19.851.000	110.000	1,00	1,69	33.548.000
25	30	1	318	65.000	20.670.000	110.000	1,00	1,69	34.932.000
26	48	1	317,6	65.000	20.644.000	110.000	1,00	1,69	34.888.000
27	49	1	315,4	65.000	20.501.000	110.000	1,00	1,69	34.647.000
28	51	1	312,8	65.000	20.332.000	110.000	1,00	1,69	34.361.000
29	50	1	310,6	65.000	20.189.000	110.000	1,00	1,69	34.119.000
30	68	1	308,5	65.000	20.052.500	110.000	1,00	1,69	33.889.000
31	69	1	306,2	65.000	19.903.000	110.000	1,00	1,69	33.636.000
32	71	1	289,1	65.000	18.791.500	110.000	1,00	1,69	31.758.000
33	70	1	283,2	65.000	18.408.000	110.000	1,00	1,69	31.179.000
34	87	1	295,3	65.000	19.194.500	110.000	1,00	1,69	32.439.000
Tổng cộng (A+B)			42.699		9.500.241.500				13.973.638.000

Bảng chữ: Mười ba tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng./.





PHƯƠNG ÁN

**Đấu giá quyền sử dụng đất các vị trí đất nhỏ lẻ
trên địa bàn thành phố Kon Tum**

*(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-UBND ngày 08/3/2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)*

I. Các căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất thị trường và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định về việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

II. Danh mục loại đất, vị trí, diện tích các thửa đất đấu giá:

1. Danh mục các thửa đất đấu giá:

1.1. Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; Thời hạn sử dụng lâu dài.

a. Phường Quyết Thắng có diện tích: 44m² (gồm 01 thửa đất):

*** Quyền sử dụng đất đường Hoàng Văn Thụ:**

- Vị trí đất tại tổ 3, mặt tiền đường Hoàng Văn Thụ (đoạn Nguyễn Huệ - Ngô Quyền). Đường nhựa rộng 7m.

- Thửa đất số 219, tờ bản đồ 19.

- Diện tích: 44m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 552.640.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

b. Phường Thắng Lợi có diện tích: 216m² (gồm 07 thửa đất):

*** Quyền sử dụng đất đường Yết Kiêu:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Yết Kiêu. Đường nhựa rộng 7m.

- Thửa đất số 191, tờ bản đồ 72.

- Diện tích: 59m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 95.580.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

*** Quyền sử dụng đất đường Phan Chu Trinh:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Phan Chu Trinh đoạn (Lý Tự Trọng – Hết). Đường nhựa rộng 8m.

- Thửa đất số 16-1, tờ bản đồ 69.

- Diện tích: 89,2m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 374.640.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

*** Quyền sử dụng đất đường Ba Đình (đường nhựa rộng 18,5m).**

- Thửa đất số 626-1. Tờ bản đồ 40. Diện tích: 24m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 112.344.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Thửa đất số 625-1. Tờ bản đồ 40. Diện tích: 6,2m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 29.022.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu, không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Thửa đất số 624-1. Tờ bản đồ 40. Diện tích: 6,2m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 29.022.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu, không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

*** Quyền sử dụng đất đường Đống Đa** (Đoạn từ đường Lê Hồng Phong - Nhà Công vụ Sư Đoàn 10). Đường nhựa rộng 7m.

- Thửa đất số 634-1. Tờ bản đồ 40. Diện tích: 12,6m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 43.470.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Thửa đất số 621-1. Tờ bản đồ 40. Diện tích: 18,8m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 64.860.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

c. Phường Duy Tân có diện tích: 99,3m² (gồm 02 thửa đất, được phân thành 02 lô):

*** Quyền sử dụng đất đường Trần Nguyên Hãn:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Trần Nguyên Hãn. Đường nhựa rộng 6m.

- Thửa đất số 229, tờ bản đồ 47.

- Diện tích: 50m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 120.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng).

*** Quyền sử dụng đất đường Dã Tượng:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Dã Tượng. Đường nhựa rộng 7m.

- Thửa đất số 302, tờ bản đồ 24.

- Diện tích: 49,3m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 113.587.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

d. Phường Quang Trung có diện tích: 124,7m² (gồm 02 thửa đất, được phân thành 02 lô):

*** Quyền sử dụng đất đường Nguyễn Văn Cừ:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Nguyễn Văn Cừ (Đoạn từ đường Huỳnh Thúc Kháng-Nguyễn Sinh Sắc). Đường nhựa rộng 12m.

- Thửa đất số 128, tờ bản đồ 80.

- Diện tích: 81,1m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 164.633.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

*** Quyền sử dụng đất đường Phạm Hồng Thái:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường hẻm 40 Phạm Hồng Thái. Đường Quy hoạch rộng 9m.

- Thửa đất số 69-1, tờ bản đồ 42.

- Diện tích: 43,6m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 57.988.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn đồng).

e. Phường Lê Lợi có diện tích: 2.562,3m² (gồm 05 thửa đất, được phân thành 05 lô):

*** Quyền sử dụng đất đường Đặng Tiến Đông giao lộ Nguyễn Lương Bằng:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Đặng Tiến Đông (Đoạn từ Trụ sở UBND phường Lê Lợi - hết ranh giới Phường Lê Lợi). Đường nhựa rộng 8,5m.

- Thửa đất số 29, tờ bản đồ 11.

- Diện tích: 350m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 420.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

*** Quyền sử dụng đất đường Đặng Tiến Đông giao lộ Nguyễn Thái Bình:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Đặng Tiến Đông (Đoạn từ Trụ sở UBND phường Lê Lợi - hết ranh giới Phường Lê Lợi). Đường nhựa rộng 8,5m.

- Thửa đất số 112, tờ bản đồ 7.

- Diện tích: 150m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 180.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng).

*** Quyền sử dụng đất đường Phạm Văn Đồng: (02 thửa, được phân thành 02 lô).**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Phạm Văn Đồng (Đoạn từ ngã ba Đặng Tiến Đông - Nguyễn Văn Linh - hết công trạm điện 500KV). Đường nhựa rộng 16m.

- Thửa đất số 2-1+42-1, tờ bản đồ 34.

- Diện tích: 1.268m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 4.356.725.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

*** Quyền sử dụng đất đường Trần Đại Nghĩa giao lộ Bế Văn Đàn:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Trần Đại Nghĩa. Đường bê tông rộng 6m.

- Thửa đất số 208, tờ bản đồ 09.

- Diện tích: 794,3m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 1.032.590.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm ba mươi hai triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng).

f. Phường Ngô Mây có diện tích: 284m² (gồm 01 thửa đất):

*** Quyền sử dụng đất đường Nguyễn Hữu Thọ:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Nguyễn Hữu Thọ (Đoạn từ đường Phan Kế Bính - Hội Trường tổ 1). Đường nhựa rộng 8,5m.

- Thửa đất số 102, tờ bản đồ 53.

- Diện tích: 284m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 395.328.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

g. Phường Trường Chinh có diện tích: 77,5m² (gồm 01 thửa đất):

*** Quyền sử dụng đất đường Nơ Trang Long:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường Nơ Trang Long. Đường bê tông hóa rộng 7m.

- Thừa đất số 99-1, tờ bản đồ 38.

- Diện tích: 77,2m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 185.280.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

h. Phường Trần Hưng Đạo có diện tích: 2.616,6m² (gồm 02 thửa đất, phân thành 12 lô đất):

*** Quyền sử dụng đất đường A Khanh:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường A Khanh. Đường nhựa rộng 11m.

- Thừa đất số 97, tờ bản đồ 26. Diện tích: 569,8m² (phân thành 03 lô: 1, 4, 5).

+ Lô 1: Diện tích: 267,4m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 134.770.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

+ Lô 4: Diện tích 152,4m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 73.762.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

+ Lô 5: Diện tích 150m² (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 72.600.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

*** Quyền sử dụng đất hẻm 19 đường A Khanh:**

- Vị trí đất tại mặt tiền đường hẻm 19 đường A Khanh. Đường quy hoạch rộng 6m.

- Thừa đất số 97, tờ bản đồ 26.

- Diện tích: 2.046,8m², phân thành 09 lô: 2,7,8,9,10,11,12,13,14 (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 785.971.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn đồng).

1.2. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; Thời hạn sử dụng lâu dài.

a. Xã Đăk Năng có diện tích: 35.068,7m² gồm 01 thửa, phân thành 98 lô đất (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 3.859.827.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

b. Xã Ia Chim có diện tích: 1.606,3m² gồm 01 thửa, phân thành 13 lô đất (Có sơ đồ trích lục đấu giá quyền sử dụng đất do Công ty cổ phần kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường TTG Kon Tum lập ngày 09/01/2018 kèm theo).

- Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 718.997.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm mười tám triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

2. Vị trí các thửa đất đấu giá: Thuộc các xã, phường: Quyết Thắng, Thắng Lợi, Duy Tân, Quang Trung, Lê Lợi, Ngô Mây, Trường Chinh, Trần Hưng Đạo, Ia Chim và Đăk Năng thành phố Kon Tum.

3. Tổng diện tích và số thửa đất bán đấu giá: 23 thửa đất nhỏ, lẻ (được chia thành 142 lô đất với diện tích là 42.699m²).

4. Điều kiện xây dựng nhà ở, mật độ xây dựng, khoảng lùi xây dựng: Theo quy định của Luật Xây dựng.

5. Giá đất cụ thể và giá khởi điểm bán đấu giá quyền sử dụng đất: Do UBND tỉnh quy định.

III. Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất:

1. Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị đối với các thửa đất trên địa bàn các phường và đất ở nông thôn đối với các thửa đất thuộc địa bàn các xã.

2. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

IV. Thời gian tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: Trong năm 2018.

V. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá, mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:

1. Đối tượng: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, có nhu cầu sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt thì có quyền tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Điều kiện được tham gia đấu giá:

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo mẫu của tổ chức có chức năng đấu giá quyền sử dụng đất quy định và phát hành, cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch khi trúng đấu giá.

- Một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá; một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; có (02) hai doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một Tổng công ty thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá; Tổng công ty

với Công ty thành viên, Công ty mẹ và Công ty con, Doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá.

3. Đối tượng không được tham gia đấu giá:

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

- Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản.

- Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại mục này.

- Người không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; người không thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Phí hồ sơ tham gia đấu giá, khoản tiền đặt trước, bước giá:

a. Phí hồ sơ tham gia đấu giá: Thực hiện theo quy định theo Khoản 2, Điều 3, Thông tư 48/2017/TT-BTC, ngày 15/05/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

b. Khoản tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước:

- Người tham gia đấu giá phải nộp cho tổ chức đấu giá tài sản một khoản tiền đặt trước tối thiểu 10% và tối đa là 20% giá khởi điểm của tài sản đấu giá (được quy định cụ thể tại bản thông báo niêm yết do tổ chức đấu giá tài sản ban hành).

Tiền đặt trước được gửi vào một tài khoản thanh toán riêng của tổ chức đấu giá tài sản mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh tại Việt Nam. Trường hợp khoản tiền đặt trước có giá trị dưới năm triệu đồng thì người tham gia đấu giá có thể nộp trực tiếp cho tổ chức đấu giá tài sản. Người tham gia đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản có thể thỏa thuận thay thế tiền đặt trước bằng bảo lãnh ngân hàng.

- Tổ chức đấu giá tài sản chỉ được thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá, trừ trường hợp tổ chức đấu giá tài sản và người tham gia đấu giá có thỏa thuận khác nhưng phải trước ngày mở cuộc đấu giá. Tổ chức đấu giá tài sản không được sử dụng tiền đặt trước của người tham gia đấu giá vào bất kỳ mục đích nào.

- Người tham gia đấu giá tài sản có quyền từ chối tham gia cuộc đấu giá và được nhận lại tiền đặt trước trong trường hợp có thay đổi về giá khởi điểm, số lượng, chất lượng tài sản đã niêm yết, thông báo công khai; trường hợp khoản

tiền đặt trước phát sinh lãi thì người tham gia đấu giá tài sản được nhận tiền lãi đó.

- Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm trả lại khoản tiền đặt trước và thanh toán tiền lãi (nếu có) trong trường hợp người tham gia đấu giá không trúng đấu giá trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá hoặc trong thời hạn khác do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6, Điều 39, Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện giao kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền sử dụng đất, Tổ chức đấu giá tài sản phải nộp vào ngân sách Nhà nước đối với khoản tiền đặt trước và tiền lãi tính đến ngày nộp (nếu có) của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Số tiền này được trừ vào nghĩa vụ phải thanh toán của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Việc xử lý tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp quy định tại Khoản 6, Điều 39, Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

c. Bước giá: Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề trong trường hợp đấu giá theo phương thức trả lên. Bước giá do người có tài sản đấu giá quyết định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đấu giá tài sản đối với từng cuộc đấu giá, nhưng tối thiểu là 1% so với giá khởi điểm.

VI. Niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá tài sản:

Trước khi tiến hành cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản phải niêm yết và thông báo công khai việc đấu giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật được quy định tại điều 35 và 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

VII. Đăng ký tham gia đấu giá, điều kiện mở cuộc đấu giá, nguyên tắc đấu giá tài sản:

1. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá tài sản gồm:

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và bản cam kết (*theo mẫu của tổ chức đấu giá tài sản phát hành*).

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*có ngành nghề kinh doanh bất động sản*) và Giấy ủy quyền của tổ chức đối với người đại diện cho tổ chức tham gia đấu giá.

- Bản sao Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (*có chứng thực hoặc bản photo có kèm theo bản chính để đối chiếu*).

- Bản sao sổ Hộ khẩu (*có chứng thực hoặc bản photo có kèm theo bản chính để đối chiếu*).

- Giấy ủy quyền theo quy định (nếu có).

2. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:

- Người đăng ký tham gia đấu giá khi nhận được hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá QSD đất phải ghi đầy đủ thông tin trong đơn đề nghị tham gia đấu giá đất.

- Sau khi hoàn tất thủ tục, hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá QSD đất, người tham gia đấu giá phải nộp hồ sơ cho tổ chức đấu giá tài sản theo đúng thời gian quy định.

3. Điều kiện để được xét duyệt hồ sơ:

- Phải ghi đầy đủ các thông tin quy định trong hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu của đơn vị phát hành, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch khi trúng đấu giá.

- Thuộc đối tượng được tham gia đấu giá theo quy định.

- Việc xét duyệt hồ sơ người đủ điều kiện tham gia đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản xét duyệt và được giữ bí mật cho đến khi đấu giá viên công bố chính thức tại cuộc đấu giá.

4. Điều kiện mở cuộc đấu giá:

Cuộc đấu giá chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 người đủ điều kiện tham gia đấu giá trên 01 thửa đất. Trường hợp những thửa đất đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá mà chỉ có 01 người thì không tổ chức cuộc đấu giá.

5. Nguyên tắc đấu giá tài sản:

- Tuân thủ quy định của pháp luật.

- Bảo đảm tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.

- Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên.

- Cuộc đấu giá phải do đấu giá viên điều hành.

VIII. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá và trình tự tiến hành cuộc đấu giá:

1. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

3. Trình tự tiến hành cuộc đấu giá: Cuộc đấu giá tài sản được tiến hành liên tục theo trình tự sau đây:

- Mở đầu cuộc đấu giá tài sản, đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá giới thiệu bản thân, người giúp việc; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá; đọc Quy chế cuộc đấu giá; giới thiệu từng tài sản đấu giá; nhắc lại mức giá khởi điểm; thông báo bước giá và khoảng thời gian tối đa giữa các lần trả giá; hướng dẫn cách trả giá và trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá.

- Người tham gia đấu giá được phát một tờ phiếu trả giá, ghi giá muốn trả vào phiếu của mình. Hết thời gian ghi phiếu, đấu giá viên yêu cầu người tham gia đấu giá nộp phiếu trả giá hoặc bỏ phiếu vào hòm phiếu; kiểm đếm số phiếu phát ra và số phiếu thu về; công bố từng phiếu trả giá, phiếu trả giá cao nhất với sự giám sát của ít nhất một người tham gia đấu giá.

- Đấu giá viên công bố giá cao nhất đã trả của vòng đấu giá đó và đề nghị người tham gia đấu giá tiếp tục trả giá cho vòng tiếp theo. Giá khởi điểm của vòng đấu giá tiếp theo là giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề.

- Cuộc đấu giá kết thúc khi không còn ai tham gia trả giá. Đấu giá viên công bố người trả giá cao nhất và công bố người đó là người trúng đấu giá.

- Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu có người trả giá cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

Diễn biến của cuộc đấu giá phải được ghi vào biên bản đấu giá. Biên bản đấu giá phải được lập tại cuộc đấu giá và có chữ ký của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá, người ghi biên bản, người trúng đấu giá, người có tài sản đấu giá, đại diện của những người tham gia đấu giá.

IX. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá:

Thực hiện theo Thông tư số 48/2017/TT-BTC, ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

X. Dự kiến tổng số tiền thu được từ kết quả đấu giá: Khoảng 13.973.636.000 đồng (*Bằng chữ: Mười ba tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

XI. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá:

Giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định (*Tổ chức đấu thầu để lựa chọn, ký hợp đồng thuê đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành, phối hợp với đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá xây dựng nội quy, quy chế cuộc bán đấu giá, tham mưu tổ chức thực hiện việc đấu giá*) và xử lý các công việc khác có liên quan đến công tác đấu giá quyền sử dụng đất theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Sau khi có quyết định phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền và giá khởi điểm được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt, đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá thông báo công khai trên trang thông tin điện tử thành phố và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo đúng quy định pháp luật.

XII. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ và Biên bản kết quả thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất từ đơn vị

thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị tổ chức thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất (phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố) lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả trúng đấu giá theo quy định.

XIII. Nộp tiền sử dụng đất sau khi có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, Chi cục thuế thành phố gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá. Thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất bao gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 13, Thông tư 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

XIV. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá:

- Sau khi đã nhận được chứng từ nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất của người trúng đấu giá, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 68, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá, phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có đất đấu giá, tổ chức thực hiện bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất; chỉ đạo đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính theo quy định hiện hành.

XV. Xử lý vi phạm trong đấu giá:

Tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định tại Phương án này và các quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, có hành vi làm lộ bí mật, tiếp tay, môi giới cho người tham gia đấu giá gây thiệt hại cho nhà nước, cá nhân, tổ chức hoặc làm cho cuộc đấu giá không thành thì tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại phải chịu bồi thường theo quy định của pháp luật. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

NGƯỜI CHỨC ĐÓNG CHỮ

PHÓ CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN ĐIỀU